

**Công bố đơn giá nhân công xây dựng năm 2022
trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

*(Phụ lục kèm theo Quyết định số 283/QĐ-SXD
ngày 30/11/2022 của Sở Xây dựng Bình Thuận).*

Đơn vị tính: đồng/ngày công

STT	Nhóm	Cấp bậc	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân theo khu vực		
			Vùng II	Vùng III	Vùng IV
I	Nhóm nhân công xây dựng				
1	Nhóm I	3,5/7	242.500	230.100	219.600
2	Nhóm II	3,5/7	268.300	255.900	246.900
3	Nhóm III	3,5/7	274.400	258.700	251.600
4	Nhóm IV				
	+ Nhóm vận hành máy, thiết bị thi công xây dựng	3,5/7	283.600	265.800	262.600
	+ Nhóm lái xe các loại	2/4	283.600	265.800	262.600
II	Nhóm nhân công khác				
1	Vận hành tàu, thuyền				
	+ Thuyền trưởng, thuyền phó	1,5/2	377.900	357.000	341.200
	+ Thủy thủ, thợ máy	2/4	326.500	307.000	292.000
	+ Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II tàu sông	1,5/2	334.400	315.000	300.000
	+ Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II tàu biển	1,5/2	344.500	319.600	302.300
2	Thợ lặn	2/4	570.000	534.000	509.000
3	Kỹ sư	4/8	291.900	284.900	280.400
4	Nghệ nhân	1,5/2	555.900	516.200	491.200

Ghi chú:

- Việc phân chia vùng theo quy định phân vùng của Chính phủ về lương tối thiểu vùng.

- Đối với khu vực hải đảo thì đơn giá nhân công bình quân được điều chỉnh với hệ số 1,07 so với đơn giá nhân công bình quân nêu trên.

- Việc xác định nhóm nhân công, công tác xây dựng; quy đổi giá nhân công xây dựng theo cấp bậc trong hệ thống định mức dự toán xây dựng được thực hiện theo Phụ lục IV phương pháp xác định đơn giá nhân công xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình./.